

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 1

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	2	26.25	3.5	29.75
2	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	2	25.75	3.5	29.25
3	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	2	25.50	3.5	29.00
4	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	2	25.50	3.5	29.00
5	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	2	25.25	3.5	28.75
6	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	2	27.25	1.5	28.75
7	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	1	25.25	3.5	28.75
8	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	2	25.00	3.5	28.50
9	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	1	24.75	3.5	28.25
10	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	2	24.50	3.5	28.00
11	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	2	26.50	1.5	28.00
12	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	2	24.25	3.5	27.75
13	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	2	24.25	3.5	27.75
14	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	2	24.00	3.5	27.50
15	Nông Văn	Quân	TQU004497	2	23.75	3.5	27.25
16	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	2	25.75	1.5	27.25
17	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	2	25.75	1.5	27.25
18	Lã Thị	Linh	YTB012556	2	25.75	1.5	27.25
19	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	2	25.75	1.5	27.25
20	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	2	25.75	1.5	27.25
21	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	2	26.25	1.0	27.25
22	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	1	25.75	1.5	27.25
23	Phạm Thị	Nga	THP010025	2	26.00	1.0	27.00
24	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	2	26.00	1.0	27.00
25	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	2	25.50	1.5	27.00
26	Đặng Thị	Hiển	TTB002121	2	25.50	1.5	27.00
27	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	2	25.50	1.5	27.00
28	Hà Thị Kim	Trang	LNH009705	1	23.50	3.5	27.00
29	Trần Thị	Hằng	TQU001659	1	24.50	2.5	27.00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 2

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Nguyễn Thị Hồng	Lê	THV007092	1	25.50	1.5	27.00
31	Lang Thị	Trang	DCN011718	1	23.50	3.5	27.00
32	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	2	25.25	1.5	26.75
33	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	2	23.25	3.5	26.75
34	Nguyễn Thị Lan	Phường	TQU004348	2	25.25	1.5	26.75
35	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	2	23.25	3.5	26.75
36	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	2	25.25	1.5	26.75
37	Bùi Thị	Hà	LNH002420	2	23.25	3.5	26.75
38	Phạm Việt	Trình	THP015567	2	26.25	0.5	26.75
39	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	2	25.00	1.5	26.50
40	Trần Uyên	Chi	TDV003028	2	25.00	1.5	26.50
41	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	2	23.00	3.5	26.50
42	Lê Thị	Hằng	HDT007837	2	25.50	1.0	26.50
43	Đặng Thị	Bảy	THV000922	2	23.00	3.5	26.50
44	Lương Thị	Thảo	THV012200	2	23.00	3.5	26.50
45	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	2	25.50	1.0	26.50
46	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	2	25.75	0.5	26.25
47	Đỗ Thuý	Duyên	TQU000975	2	22.75	3.5	26.25
48	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	2	25.25	1.0	26.25
49	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	2	26.25		26.25
50	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	2	26.25		26.25
51	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	2	24.75	1.5	26.25
52	Nguyễn Thị	Định	BJA003042	2	23.25	3.0	26.25
53	Lò Thị	Dung	THV002060	2	22.75	3.5	26.25
54	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	2	25.25	1.0	26.25
55	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	2	25.75	0.5	26.25
56	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	2	25.00	1.0	26.00
57	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	2	24.50	1.5	26.00
58	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	2	24.50	1.5	26.00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 3

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Phạm Thị Diệu	Hằng	BJA004295	2	25.50	0.5	26.00
60	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	2	24.50	1.5	26.00
61	Đỗ Thị	Luyến	YTB013634	2	25.00	1.0	26.00
62	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	2	25.00	1.0	26.00
63	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	2	25.50	0.5	26.00
64	Hà Kim	Oanh	TTB004678	2	24.50	1.5	26.00
65	Lê Thị	Ninh	HDT019102	2	25.00	1.0	26.00
66	Dương Thùy	Linh	SPH009423	2	24.50	1.5	26.00
67	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	2	25.00	1.0	26.00
68	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	2	24.50	1.5	26.00
69	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	2	25.00	1.0	26.00
70	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	1	25.50	0.5	26.00
71	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010126	1	25.50	0.5	26.00
72	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	2	25.25	0.5	25.75
73	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	2	25.25	0.5	25.75
74	Phạm Thị Minh	Phương	THV010544	2	24.25	1.5	25.75
75	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	2	24.25	1.5	25.75
76	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	2	25.25	0.5	25.75
77	Nguyễn Phan	Hưng	TDV014128	2	25.25	0.5	25.75
78	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	2	25.25	0.5	25.75
79	Chu Minh	Trang	DCN011617	2	25.25	0.5	25.75
80	Lê Thị	Dung	HDT003842	2	24.75	1.0	25.75
81	Trần Anh	Tuấn	TND028015	2	24.25	1.5	25.75
82	Triệu Việt	Chinh	THV001425	2	24.25	1.5	25.75
83	Tạ Thị	Quỳnh	SPH014577	2	22.25	3.5	25.75
84	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	2	24.75	1.0	25.75
85	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	1	25.25	0.5	25.75
86	Triệu Thị	Nam	DCN007756	1	22.25	3.5	25.75
87	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	1	25.25	0.5	25.75

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 4

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Lý Kiều	Oanh	TQU004198	1	22.25	3.5	25.75
89	Lê Thị	Hạnh	HDT007508	1	24.75	1.0	25.75
90	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	4	25.00	0.5	25.50
91	Trần Thị	Liên	TQU003045	2	24.00	1.5	25.50
92	Hoàng Hải	Ngân	YTB015364	2	24.00	1.5	25.50
93	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	2	23.00	2.5	25.50
94	Cao Xuân	Hiền	THV004247	2	22.00	3.5	25.50
95	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	2	25.00	0.5	25.50
96	Hoàng Văn	Ngọc	TQU003907	2	22.00	3.5	25.50
97	Trịnh Thùy	Linh	DCN006627	2	24.50	1.0	25.50
98	Nguyễn Thị Thu	Hường	THP007284	2	25.00	0.5	25.50
99	Phạm Thị	Hương	TDV014479	2	25.00	0.5	25.50
100	Đặng Thị Quỳnh	Anh	LNH000171	2	24.00	1.5	25.50
101	Vi Thị Thu	Trang	DCN012027	2	22.00	3.5	25.50
102	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	2	22.00	3.5	25.50
103	Trịnh Hồng	Trang	HHA014839	1	22.00	3.5	25.50
104	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	THV005855	1	25.00	0.5	25.50
105	Nguyễn Hà	Phương	THV010472	1	24.00	1.5	25.50
106	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	1	25.00	0.5	25.50
107	Lê Thị Khánh	Linh	TLA007808	1	25.00	0.5	25.50
108	Đồng Văn	Minh	THP009506	1	23.50	2.0	25.50
109	Nguyễn Thị	Nga	DCN007834	1	25.00	0.5	25.50
110	Lương Hoài	Thu	THV012812	1	23.00	2.5	25.50
111	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	1	22.00	3.5	25.50
112	Doãn Thị Ngọc	ánh	SPH001707	1	25.00	0.5	25.50
113	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	2	24.75	0.5	25.25
114	Vũ Huy	Hoài	TND009220	2	23.75	1.5	25.25
115	Hà Kiều	Anh	THV000166	2	21.75	3.5	25.25
116	Trần Thùy	Giang	HDT006459	2	24.25	1.0	25.25

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 5

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Phạm Thị Thân	Thương	SPH016909	2	24.75	0.5	25.25
118	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	2	24.25	1.0	25.25
119	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	2	24.25	1.0	25.25
120	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	2	24.75	0.5	25.25
121	Nguyễn Thảo	Phường	THV010522	2	23.75	1.5	25.25
122	Phạm Thị Thùy	Dung	HDT004028	2	23.75	1.5	25.25
123	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	2	24.75	0.5	25.25
124	Dương Thị	Thương	TLA013548	2	24.25	1.0	25.25
125	Vũ Thị	Anh	THP000937	2	24.75	0.5	25.25
126	Cao Thị	Xuyến	TND029846	2	21.75	3.5	25.25
127	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	2	21.75	3.5	25.25
128	Hoàng Thị Phương	Uyên	DCN012920	2	21.75	3.5	25.25
129	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	2	23.75	1.5	25.25
130	Lê Thị Hương	Giang	KQH003353	1	24.75	0.5	25.25
131	Nguyễn Thị	Quyên	HDT020811	1	24.25	1.0	25.25
132	Nguyễn Bá Minh	Tú	THV014386	1	23.75	1.5	25.25
133	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	1	21.75	3.5	25.25
134	Bùi Thị Phương	Thảo	LNH008421	1	21.75	3.5	25.25
135	Lê Thị Ngọc	Dung	HDT003878	1	24.75	0.5	25.25
136	Hoàng Thị	Kiều	TQU002883	1	21.75	3.5	25.25
137	Nguyễn Văn	An	THV000033	1	21.75	3.5	25.25
138	Đặng Thị Hương	Thảo	DCN010194	1	21.75	3.5	25.25
139	Bùi Thị	Phượng	DCN009006	2	24.00	1.0	25.00
140	Vũ Thị	Liên	YTB012306	2	24.00	1.0	25.00
141	Nguyễn Thị Việt	Phường	THP011646	2	24.50	0.5	25.00
142	Nguyễn Phương	Anh	THV000400	2	24.50	0.5	25.00
143	Trịnh Phương	Thanh	THV011924	2	23.50	1.5	25.00
144	Phạm Thị	Linh	HDT014743	2	24.00	1.0	25.00
145	Nguyễn Thu	Thảo	THP013451	2	25.00		25.00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 6

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Hoàng Thị	Huyền	THV005749	2	23.50	1.5	25.00
147	Lê Tố	Anh	HDT000593	2	24.50	0.5	25.00
148	Lê Thị Ngọc	Mai	TND015949	2	23.50	1.5	25.00
149	Nguyễn Thị	Hương	TDV014388	2	24.50	0.5	25.00
150	Vũ Thị Tú	Uyên	YTB024837	2	23.00	2.0	25.00
151	Phan Hoàng	Đức	SPH004362	2	25.00		25.00
152	Nguyễn Lan	Anh	TQU000129	2	23.50	1.5	25.00
153	Vũ Thị	Dương	THP002855	2	24.50	0.5	25.00
154	Bùi Thị	Thương	THV013261	2	23.50	1.5	25.00
155	Hà Thị	My	LNH006229	2	21.50	3.5	25.00
156	Đặng Thị	Anh	TND000264	1	23.50	1.5	25.00
157	Lê Hồng	Ngọc	DCN008058	1	24.50	0.5	25.00
158	Võ Thị Hồng	Trang	HHA014848	1	24.50	0.5	25.00
159	Lê Thị	Tuyết	HDT029062	1	23.50	1.5	25.00
160	Lý San	Mấy	DCN007320	1	21.50	3.5	25.00
161	Đỗ Tiến	Dũng	TQU000878	1	23.50	1.5	25.00
162	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	1	23.50	1.5	25.00
163	Hoàng Thị	Lam	TDV015475	2	23.25	1.5	24.75
164	Tạ Quế	Anh	YTB001230	2	23.75	1.0	24.75
165	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018329	2	23.75	1.0	24.75
166	Phạm Thị	Giang	HDT006422	2	23.25	1.5	24.75
167	Trần Quỳnh Anh	Thư	THV013233	2	21.25	3.5	24.75
168	Nguyễn Phương	Mai	TDV018665	2	24.25	0.5	24.75
169	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	2	23.25	1.5	24.75
170	Hoàng Thị	Tư	DCN012871	2	21.25	3.5	24.75
171	Chêo A	Phấy	DCN008660	1	21.25	3.5	24.75
172	Mã Thị Mỹ	Hạnh	DCN003183	1	21.25	3.5	24.75
173	Phàn Mấy	Lầy	DCN005972	1	21.25	3.5	24.75
174	Nguyễn Khánh	Ly	TLA008787	1	23.75	1.0	24.75

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 7

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Bùi Vũ Mỹ	Linh	THV007257	1	23.25	1.5	24.75
176	Nguyễn Thị	Đoan	TLA003464	1	24.25	0.5	24.75
177	Từ Thị	Tuyến	TND028584	1	23.25	1.5	24.75
178	Hà Thanh	Huyền	TLA006252	1	23.75	1.0	24.75
179	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	1	23.25	1.5	24.75
180	Ngô Thị	Ngọc	THP010352	1	23.75	1.0	24.75
181	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	2	23.50	1.0	24.50
182	Lê Thị Thúy	Vân	KHA011485	2	23.50	1.0	24.50
183	Nguyễn Anh	Cường	TLA002252	2	24.50		24.50
184	Phạm Thị Thu	Hiền	HHA004655	2	23.00	1.5	24.50
185	Nguyễn Thị	Huyền	THP006557	2	23.50	1.0	24.50
186	Trịnh Bích	Phương	TND020116	2	23.00	1.5	24.50
187	Nguyễn Thị	Xuân	TLA015814	2	23.50	1.0	24.50
188	Nguyễn Thị	Tinh	HDT025944	2	23.00	1.5	24.50
189	Lương Thị	Thảo	LNH008490	2	21.00	3.5	24.50
190	Nguyễn Thị	Lý	HDT015874	2	23.50	1.0	24.50
191	Nguyễn Thị	Quỳnh	THV011145	2	23.00	1.5	24.50
192	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	2	23.00	1.5	24.50
193	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	2	23.00	1.5	24.50
194	Cù Thu	Thủy	TQU005449	2	23.00	1.5	24.50
195	Trần Thái	Bảo	SPH001971	2	24.50		24.50
196	Lành Văn	Thành	KQH012408	2	21.00	3.5	24.50
197	Trần Bùi Lan	Hương	LNH004576	2	23.00	1.5	24.50
198	Trần Hải	Nam	THV009057	2	23.00	1.5	24.50
199	Nguyễn Thị Mai	Trang	TLA014103	2	24.00	0.5	24.50
200	Hoàng Thị Thu	Hằng	YTB006952	1	23.50	1.0	24.50
201	Nguyễn Thu	Thủy	THV013060	1	23.00	1.5	24.50
202	Nguyễn Đình	Đức	HHA003286	1	24.00	0.5	24.50
203	Lê Thị ánh	Trinh	HDT027415	1	23.00	1.5	24.50

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 8

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Nguyễn Diệu	Thu	LNH009010	1	21.00	3.5	24.50
205	Hà Thị Thu	Thuỷ	THP014201	1	23.50	1.0	24.50
206	Nguyễn Thị	Diệp	THP002082	1	23.50	1.0	24.50
207	Nguyễn Thị	Oanh	KQH010551	1	24.00	0.5	24.50
208	Nguyễn Thị Bích	Thuận	THP014171	1	24.00	0.5	24.50
209	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	2	22.25	2.0	24.25
210	Nguyễn Phương	Hảo	TQU001582	2	22.75	1.5	24.25
211	Nguyễn Thị	Hiền	TND007899	2	20.75	3.5	24.25
212	Cao Phương	Chi	THV001244	2	22.75	1.5	24.25
213	Trần Thị	Loan	BJA007971	2	23.25	1.0	24.25
214	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	2	23.25	1.0	24.25
215	Bùi Thị	Hương	KQH006558	2	23.75	0.5	24.25
216	Hà Ngọc Thủy	Tiên	LNH009416	2	20.75	3.5	24.25
217	Hà Thị Minh	Hạnh	THV003851	2	22.75	1.5	24.25
218	Lê Thị Mỹ	Linh	THV007450	2	23.25	1.0	24.25
219	Lê Hoàng	Anh	SPH000486	2	23.75	0.5	24.25
220	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	2	20.75	3.5	24.25
221	Trịnh Đức	Mạnh	HDT016368	2	23.25	1.0	24.25
222	Nguyễn Trần Ngân	Diệp	LNH001390	2	20.75	3.5	24.25
223	Nguyễn Thị Lan	Anh	THP000532	1	23.25	1.0	24.25
224	Hoàng Lê	Ninh	SPH013210	1	23.75	0.5	24.25
225	Phạm Thị	Trình	THP015564	1	23.75	0.5	24.25
226	Hoàng Thị	Hoà	TND008888	1	22.75	1.5	24.25
227	Bùi Thị Thu	Thảo	TLA012433	1	23.25	1.0	24.25
228	Nguyễn Văn	Tuấn	TQU006149	1	22.75	1.5	24.25
229	Hoàng Thị Bích	Phương	TDV023805	1	23.25	1.0	24.25
230	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	1	23.25	1.0	24.25
231	Phạm Thị Mai	Hương	TLA006817	1	22.75	1.5	24.25
232	Dương Thị	Tính	TQU005680	1	20.75	3.5	24.25

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Ngọc Châu An	Mi	HHA009104	1	22.25	2.0	24.25
234	Đỗ Thị	Hoài	HDT009549	1	23.25	1.0	24.25
235	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	1	22.75	1.5	24.25
236	Kiều Anh	Ngọc	THV009468	1	22.75	1.5	24.25
237	Triệu Hà	Thanh	TND022523	1	20.75	3.5	24.25
238	Đào Duy	Hải	TLA004256	1	23.75	0.5	24.25
239	Phạm Minh	Phương	TND020044	1	22.75	1.5	24.25
240	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BJA013696	1	24.25		24.25
241	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TND018947	1	20.75	3.5	24.25
242	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	THV007570	1	23.75	0.5	24.25
243	Bùi Xuân	Tam	TDV026892	1	22.75	1.5	24.25
244	Nguyễn Thị	Giang	YTB005628	1	23.25	1.0	24.25
245	Ngô Văn	Chính	THP001673	2	23.00	1.0	24.00
246	Ngô Minh	Nhật	HDT018521	2	22.50	1.5	24.00
247	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	2	23.50	0.5	24.00
248	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	2	23.50	0.5	24.00
249	Nguyễn Hằng	Ngọc	SPH012568	2	22.50	1.5	24.00
250	Lê	Hoàn	TLA005486	2	24.00		24.00
251	Phạm Thị	Liễu	TDV016179	2	23.00	1.0	24.00
252	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	2	22.50	1.5	24.00
253	Nguyễn Linh	Chi	TDV002927	2	23.50	0.5	24.00
254	Tường Thị Vân	Anh	TLA001318	2	23.50	0.5	24.00
255	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	2	20.50	3.5	24.00
256	Nguyễn Thị Thu	Thảo	THV012275	2	22.50	1.5	24.00
257	Nguyễn Diệu	Linh	TLA007891	1	24.00		24.00
258	Nguyễn Thị	Hiền	TQU001721	1	20.50	3.5	24.00
259	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008758	1	22.50	1.5	24.00
260	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DCN010684	1	23.50	0.5	24.00
261	Nguyễn Thanh	Huệ	TQU002242	1	22.50	1.5	24.00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 10

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Nguyễn Thị	Thủy	TND024896	1	22.50	1.5	24.00
263	Hoàng Thị Huyền	Trang	THV013712	1	22.50	1.5	24.00
264	Đỗ Kiều	Nga	HDT017325	1	23.50	0.5	24.00
265	Nguyễn Thị Lan	Anh	THV000460	1	22.50	1.5	24.00
266	Đỗ Thị Huyền	Trang	KQH014362	1	23.50	0.5	24.00
267	Phạm Ngọc	Anh	YTB001102	1	23.00	1.0	24.00
268	Tần San	Mấy	THV008633	1	20.50	3.5	24.00
269	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TQU001725	1	20.50	3.5	24.00
270	Bùi Thị	Dìn	LNH001404	1	20.50	3.5	24.00
271	Nguyễn Thị	Đạt	YTB004758	1	23.00	1.0	24.00
272	Nguyễn Thị Vân	Anh	YTB000922	1	23.50	0.5	24.00
273	Chu Thị	Thảo	SPH015531	1	23.50	0.5	24.00
274	Lê Thị	Hương	HDT012078	2	22.25	1.5	23.75
275	Đào Tiến	Tùng	THV014733	2	22.25	1.5	23.75
276	Lê Thị Trà	My	TDV019572	2	23.25	0.5	23.75
277	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	2	22.25	1.5	23.75
278	Nguyễn Thị	Huyền	TND011224	2	22.25	1.5	23.75
279	Trương Phương	Thảo	YTB020000	2	22.75	1.0	23.75
280	Cao Thị	Phương	HDT019645	2	22.75	1.0	23.75
281	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	TLA006359	2	23.75		23.75
282	Lê Thị Ngọc	Anh	DCN000245	1	23.25	0.5	23.75
283	Trần Thuỳ	Dương	KQH002644	1	23.25	0.5	23.75
284	Nguyễn Thị Hồng	Vân	KQH016057	1	23.25	0.5	23.75
285	Hoàng Thị	Định	HDT005548	1	22.25	1.5	23.75
286	Nguyễn Thị	Thủy	TDV030459	1	22.25	1.5	23.75
287	Tải Thị	Cám	DCN001071	1	20.25	3.5	23.75
288	Nguyễn Thị	Lê	HDT013477	1	22.75	1.0	23.75
289	Đỗ Thu	Huyền	BJA005921	1	23.75		23.75
290	Ma Việt	Hoàng	TND009457	1	20.25	3.5	23.75

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 11

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Phạm Thị Như	Sao	YTB018568	1	22.75	1.0	23.75
292	Đinh Thị	Huệ	LNH003865	2	23.00	0.5	23.50
293	Lưu Thị Minh	Châu	THV001217	2	22.00	1.5	23.50
294	Lê Thị	Thoa	HDT024151	2	22.50	1.0	23.50
295	Đỗ Thị	Thảo	TND022842	2	22.00	1.5	23.50
296	Thào Thu	Phượng	THV010557	2	20.00	3.5	23.50
297	Nguyễn Thị	Nga	TND017365	2	22.00	1.5	23.50
298	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010153	2	22.50	1.0	23.50
299	Nguyễn Thị Thu	Phượng	HVN008357	2	22.50	1.0	23.50
300	Lê Thị Thúy	Hằng	YTB006968	2	22.50	1.0	23.50
301	Nguyễn Thị	Hiền	TND007913	1	22.00	1.5	23.50
302	Dương Vũ Hồng	Nhung	SPH013028	1	23.00	0.5	23.50
303	Nguyễn Quang	Duẩn	KHA001631	1	22.50	1.0	23.50
304	Phạm Thị	Thu	HHA013591	1	22.00	1.5	23.50
305	Nguyễn Mai	Phượng	DCN008873	1	22.00	1.5	23.50
306	Trần Phương	Anh	TQU000224	1	22.00	1.5	23.50
307	Nguyễn Thị	Thơ	THV012748	1	20.00	3.5	23.50
308	Trần Hương	Ly	SPH010876	1	23.50		23.50
309	Đỗ Thùy	Linh	DCN006217	1	23.00	0.5	23.50
310	Mông Thu	Thảo	THV012208	1	20.00	3.5	23.50
311	Trịnh Thị Minh	Thùy	YTB021262	1	23.00	0.5	23.50
312	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	1	23.00	0.5	23.50
313	Nguyễn Thị	Thương	HDT025557	1	22.50	1.0	23.50
314	Lê Thị	Duyên	HDT004608	1	22.50	1.0	23.50
315	Lê Ngọc	Diễm	SPH002922	1	23.50		23.50
316	Hoàng Thị Ngọc	Như	TND019084	1	20.00	3.5	23.50
317	Lường Thùy	Dung	KHA001664	1	20.00	3.5	23.50
318	Phạm Thị Diệu	Linh	HDT014721	1	22.00	1.5	23.50
319	Trần Thị Hà	Trang	YTB023098	1	23.00	0.5	23.50

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 12

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Nguyễn Thị Trà		THP014966	1	22.50	1.0	23.50
321	Phạm Thị Ngọc Nhung		TLA010569	1	23.50		23.50
322	Nguyễn Thị Trang		TTB006806	1	22.00	1.5	23.50
323	Trần Thị Nga		THP010043	2	22.25	1.0	23.25
324	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh		THP008322	2	22.25	1.0	23.25
325	Nguyễn Thu Hà		THP003884	2	22.25	1.0	23.25
326	Mai Thị Thủy Tiên		DND024539	2	22.25	1.0	23.25
327	Cao Thị Thơm		THP013977	2	22.25	1.0	23.25
328	Nguyễn Thị Lan		TQU002928	2	21.75	1.5	23.25
329	Trịnh Tiến Cường		TLA002331	2	20.25	3.0	23.25
330	Nguyễn Thị Thảo Quỳnh		LNH007762	2	22.75	0.5	23.25
331	Ngô Thị Thanh Huyền		HVN004623	2	22.75	0.5	23.25
332	Đào Thị Phương Thảo		THV012115	1	21.75	1.5	23.25
333	Nguyễn Thị Mai		TQU003520	1	21.75	1.5	23.25
334	Nguyễn Thùy Trang		HDT026998	1	22.25	1.0	23.25
335	Trần Thị Vân Anh		DCN000698	1	22.25	1.0	23.25
336	Nguyễn Thị Quỳnh Chiêm		TDV003056	1	22.75	0.5	23.25
337	Đỗ Thị Hương		DCN005257	1	22.75	0.5	23.25
338	Phùng Thị Hồng		DCN004460	1	22.75	0.5	23.25
339	Trần Thị Ngọc		LNH006735	1	21.75	1.5	23.25
340	Nguyễn Ngọc Lâm		THP007920	1	22.75	0.5	23.25
341	Nguyễn Thúy Phượng		LNH007467	1	21.75	1.5	23.25
342	Phạm Thị Tường Loan		TND015035	1	21.75	1.5	23.25
343	Nguyễn Thanh Hoa		LNH003452	1	22.75	0.5	23.25
344	Trần Thị Thu Hằng		YTB007166	1	22.25	1.0	23.25
345	Nguyễn Mạnh Chí		SPH002467	1	22.25	1.0	23.25
346	Phùng Thị Hà		HDT006951	1	22.25	1.0	23.25
347	Trần Quốc Huân		TQU002169	1	19.75	3.5	23.25
348	Chêo Mỹ Lai		THV006844	1	19.75	3.5	23.25

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Nguyễn Thị Hải	Lý	DCN007072	1	19.75	3.5	23.25
350	Phạm Thị Hải	Yến	KHA011917	1	22.75	0.5	23.25
351	La Anh	Thư	TQU005539	1	19.75	3.5	23.25
352	Dương Thu	Phượng	THV010367	1	19.75	3.5	23.25
353	Phạm Thị	Lam	HDT013083	1	21.75	1.5	23.25
354	Vũ Huy	Anh	KHA000745	1	23.25		23.25
355	Dương Minh	Thư	THV013201	1	19.75	3.5	23.25
356	Quách Văn	Long	TQU003359	1	19.75	3.5	23.25
357	Nguyễn Thị Hà	Trang	TDV032499	1	22.75	0.5	23.25
358	Hứa Phương	Thảo	HDT023104	1	21.75	1.5	23.25
359	Phạm Hồng	Công	TND002893	1	19.75	3.5	23.25
360	Trần Trọng	Thông	LNH008947	1	22.75	0.5	23.25
361	Đào Thúy	Quỳnh	THV011038	2	21.50	1.5	23.00
362	Nguyễn Thị	ánh	TLA001446	2	22.00	1.0	23.00
363	Lê Thị	Hiên	HDT008425	2	21.50	1.5	23.00
364	Phan Diệu	Anh	TTB000226	2	21.50	1.5	23.00
365	Đào Thị	Thu	HVN010083	2	22.00	1.0	23.00
366	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	DCN009460	1	22.50	0.5	23.00
367	Nguyễn Hồng	Nhung	TLA010528	1	23.00		23.00
368	Nguyễn Thị	Thanh	YTB019327	1	22.00	1.0	23.00
369	Nguyễn Thu	Huyền	THV005896	1	19.50	3.5	23.00
370	Trần Tiểu	Linh	DCN006620	1	22.50	0.5	23.00
371	Nguyễn Thị	Mến	KQH009001	1	22.50	0.5	23.00
372	Nguyễn Văn	Thành	TLA012377	1	22.50	0.5	23.00
373	Hoàng Thị Hải	Yến	TQU006618	1	21.50	1.5	23.00
374	Nguyễn Bá	Nam	DCN007646	1	22.50	0.5	23.00
375	Nguyễn Minh	Chuyên	THV001555	1	21.50	1.5	23.00
376	Nguyễn Minh	Hồng	KQH005534	1	22.50	0.5	23.00
377	Nguyễn Đỗ Ngọc	Mai	HHA008901	1	21.50	1.5	23.00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 14

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Trương Mỹ	Linh	TTB003601	1	21.50	1.5	23.00
379	Bùi Thị Thanh	Thơm	TLA013102	1	22.00	1.0	23.00
380	Vũ Hồng	Ngọc	THV009610	1	21.50	1.5	23.00
381	Phạm Thị Thu	Trang	YTB023039	2	21.75	1.0	22.75
382	Lê Thị	Loan	HDT015080	2	21.25	1.5	22.75
383	Nguyễn Thanh	An	HDT000084	2	21.25	1.5	22.75
384	Phạm Văn	Long	YTB013481	2	21.75	1.0	22.75
385	Vì Thị	Thanh	TQU004965	1	19.25	3.5	22.75
386	Quách Thị	Oanh	TLA010689	1	22.25	0.5	22.75
387	Lê Thu	Hằng	TQU001608	1	21.25	1.5	22.75
388	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	1	22.75		22.75
389	Vũ Thanh	Huyền	TQU002524	1	21.25	1.5	22.75
390	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	LNH010519	1	22.25	0.5	22.75
391	Hàn Hồng	Trang	HDT026353	1	21.75	1.0	22.75
392	Nguyễn Thị Bích	Phượng	THV010635	1	21.25	1.5	22.75
393	Tần Xoang	Lồng	THV008077	1	19.25	3.5	22.75
394	Phan Thị	Lan	TDV015671	1	21.25	1.5	22.75
395	Nguyễn Văn	Quốc	KHA008302	1	21.75	1.0	22.75
396	Phạm Thị Bích	Hạnh	THP004320	1	22.25	0.5	22.75
397	Nguyễn Hương	Giang	KQH003371	1	21.25	1.5	22.75
398	Trần Thị Ngân	Hà	KHA002878	1	21.75	1.0	22.75
399	Nông Đức	Hoàng	TQU002085	1	19.25	3.5	22.75
400	Nguyễn Thành	Long	TLA008521	1	21.75	1.0	22.75
401	Nguyễn Đức	Dung	THV002071	1	22.25	0.5	22.75
402	Trần Đức	Thiện	SPH016127	1	21.25	1.5	22.75
403	Nguyễn Thanh	Hằng	TLA004637	2	22.00	0.5	22.50
404	Lương Thị	Thủy	HHA013760	1	22.00	0.5	22.50
405	Vương Thị Mai	Hương	DCN005465	1	22.00	0.5	22.50
406	Lê Thị	Dung	YTB003516	1	21.50	1.0	22.50

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 15

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Phạm Xuân	Tiến	SPH017062	1	22.50		22.50
408	Lê Thị Tú	Anh	YTB000531	1	21.50	1.0	22.50
409	Lê Thị Thanh	Nhàn	KHA007437	1	22.00	0.5	22.50
410	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	SPH012300	1	22.00	0.5	22.50
411	Nguyễn Minh	Thùy	LNH009126	1	19.00	3.5	22.50
412	Lê Bình	Sơn	DCN009667	1	22.00	0.5	22.50
413	Nguyễn Trà	My	BJA008863	2	22.25		22.25
414	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	2	21.25	1.0	22.25
415	Nguyễn Phương	Ngân	DCN007939	2	21.75	0.5	22.25
416	Lương Văn	Trung	YTB023499	1	21.25	1.0	22.25
417	Lã Thị Ngọc	Mai	HDT015973	1	21.25	1.0	22.25
418	Lê Thị	Bình	TDV002490	1	20.75	1.5	22.25
419	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009184	1	21.25	1.0	22.25
420	Dương Thị	Bình	TDV002454	1	20.75	1.5	22.25
421	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010119	1	21.25	1.0	22.25
422	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	1	21.25	1.0	22.25
423	Lê Huy	Chung	TND002667	1	20.75	1.5	22.25
424	Tô Thị Mỹ	Hạnh	LNH002824	1	20.75	1.5	22.25
425	Lại Phương	Mai	HDT016031	1	20.75	1.5	22.25
426	Hoàng Thị Hương	Giang	TND005831	1	18.75	3.5	22.25
427	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	1	20.75	1.5	22.25
428	Nông Thảo	Lam	TND013196	1	18.75	3.5	22.25
429	Diệp Tiên	Nữ	HHA010750	1	18.75	3.5	22.25
430	Đỗ Thị Thu	Hà	KHA002730	1	22.25		22.25
431	Nguyễn Thanh	Tùng	TND028287	1	21.75	0.5	22.25
432	Phó Văn	Trần	SPH017934	2	18.50	3.5	22.00
433	Ngô Thủy	Vy	HHA016421	2	22.00		22.00
434	Nguyễn Mai	Hương	TLA006730	1	22.00		22.00
435	Lê Ngọc	Mai	THV008390	1	20.50	1.5	22.00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 16

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Đặng Hiền	Lương	KHA006255	1	21.00	1.0	22.00
437	Nguyễn Diệu	Thảo	SPH015661	1	22.00		22.00
438	Đào Thị Hà	My	TQU003657	1	20.50	1.5	22.00
439	Lê Việt	Hoàng	TLA005555	1	22.00		22.00
440	Nguyễn Đức	Doanh	TND003591	1	18.50	3.5	22.00
441	Trần Thị Thu	Uyên	TQU006376	2	20.25	1.5	21.75
442	Trịnh Thị Hải	Yến	HDT030464	1	20.75	1.0	21.75
443	Lê Thu	Hiền	THV004297	1	20.25	1.5	21.75
444	Quách Thị Thu	Huyền	KQH006348	1	21.25	0.5	21.75
445	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	TDV005593	1	21.25	0.5	21.75
446	Đặng Hải	Yến	TQU006604	1	20.25	1.5	21.75
447	Trần Thị Quỳnh	Hoa	YTB008328	1	20.75	1.0	21.75
448	Nguyễn Lê Trung	Anh	TTB000172	2	20.00	1.5	21.50
449	Đinh Thị Thanh	Ngân	LNH006495	1	21.00	0.5	21.50
450	Phạm Thị	Diện	HDT003593	1	20.50	1.0	21.50
451	Nguyễn Thị Lan	Anh	TDV000944	1	20.50	1.0	21.50
452	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	1	20.00	1.5	21.50
453	Đặng Thị Hải	Yến	LNH010959	1	21.00	0.5	21.50
454	Nguyễn Thùy	Linh	YTB012896	1	21.00	0.5	21.50
455	Lương Thị Ngân	Hồng	SPH007009	1	21.50		21.50
456	Lê Thị	Hoa	LNH003416	1	21.00	0.5	21.50
457	Lê Mạnh	Cường	SPH002799	1	21.25		21.25
458	Trần Thái	Hưng	YTB010488	1	20.25	1.0	21.25
459	Nguyễn Tiến	Hưng	HVN004871	1	20.75	0.5	21.25
460	Đào Thị Thu	Thủy	SPH016538	1	20.00	1.0	21.00
461	Nguyễn Văn	Tâm	TLA012075	1	20.00	1.0	21.00
462	Lê Mạnh	Tuấn	THV014537	1	20.00	1.0	21.00
463	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	1	19.50	1.5	21.00
464	Trịnh Minh	Nghĩa	THV009363	1	17.50	3.5	21.00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 17

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	1	20.25	0.5	20.75
466	Trần Thị Bích	Phượng	BJA010628	1	20.00	0.5	20.50
467	Hoàng Thế	Ngọc	HHA010066	1	20.00	0.5	20.50
468	Hoàng Thị	Duyên	TQU000981	1	19.00	1.5	20.50
469	Đinh Thị Thu	Thảo	THV012126	1	17.50	1.5	19.00
470	Nguyễn Thị Bích	Phương	THV010491	1	17.00	1.5	18.50
471	Nguyễn Văn	Hoàng	KHA004037	1	17.75	0.5	18.25
472	Nguyễn Mạnh	Hải	TQU001493	1	15.75	1.5	17.25
473	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	1	15.25	1.5	16.75
474	Nguyễn Mạnh	Hùng	SPH007191	1	16.50		16.50

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU